

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
- Mã chứng khoán: BSL
- Điện thoại: 02388.662.662 Fax: 02388.662.664
- Email: sasobeco@sasobeco.com.vn
- Website: <https://sasobeco.com.vn/>



2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024.
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):
 - Có
 - Không
 - Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có
 - Không
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):
 - Có
 - Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://sasobeco.com.vn/>

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm

- BCTC Quý I/2024;
- Công văn giải trình lợi nhuận.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**





Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2703001077
2900783332

ngày 20 tháng 12 năm 2006
ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------------|---|
| Ông Tan Teck Chuan Lester | Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 10 năm 2023) |
| Ông Gim Siong Bennett | Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 10 năm 2023) |
| Ông Văn Thanh Liêm | Thành viên |
| Ông Cao Thanh Bích | Thành viên |
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Thành viên |
| Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa | Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2023) |
| Ông Lê Xuân Sơn | Thành viên (đến ngày 11 tháng 4 năm 2023) |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|------------|
| Bà Hoàng Thanh Vân | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy | Thành viên |
| Bà Lưu Thanh Thảo | Thành viên |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|----------------|
| Ông Nguyễn Hồng Anh | Giám đốc |
| Ông Trần Quang Trung | Phó Giám đốc |
| Ông Văn Bá Thi | Kế toán trưởng |

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc



Tỉnh Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00464-24-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--|------------|--------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 483.250.711.053 | 386.099.782.224 |
| Tiền | 110 | 8 | 16.629.531.539 | 28.575.511.984 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 305.800.000.000 | 249.717.653.857 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 9 | 305.800.000.000 | 249.717.653.857 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 57.856.707.484 | 42.794.167.861 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 10 | 52.233.295.712 | 38.594.478.260 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.577.364.000 | 213.671.266 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 11 | 4.046.047.772 | 3.986.018.335 |
| Hàng tồn kho | 140 | 12(a) | 101.826.731.179 | 64.250.105.470 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 102.253.040.079 | 64.721.231.901 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (426.308.900) | (471.126.431) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.137.740.851 | 762.343.052 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.137.740.851 | 390.653.530 |
| Thuế phải thu Nhà Nước | 153 | | - | 371.689.522 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260) | 200 | | 233.248.707.471 | 270.832.526.428 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 220.289.908.961 | 257.971.838.666 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 220.215.113.813 | 257.970.046.559 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.294.519.109.850 | 1.293.531.539.850 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.074.303.996.037) | (1.035.561.493.291) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 14 | 74.795.148 | 1.792.107 |
| Nguyên giá | 228 | | 380.862.152 | 303.930.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (306.067.004) | (302.137.893) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 241.039.091 | 4.041.157.990 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 241.039.091 | 4.041.157.990 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 12.687.759.419 | 8.789.529.772 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 4.673.023.914 | 708.114.502 |
| Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | 2.185.245.910 | 2.294.335.615 |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 12(b) | 5.829.489.595 | 5.787.079.655 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 716.499.418.524 | 656.932.308.652 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 232.521.873.776 | 154.067.624.035 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 232.371.243.376 | 153.416.993.635 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 42.916.418.763 | 16.204.745.318 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 98.318.777.404 | 102.171.228.035 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 1.069.989.263 | 2.341.137.385 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 5.656.321.067 | 7.753.698.596 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 26.398.236.879 | 4.180.877.501 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 21 | 56.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 22 | 2.011.500.000 | 3.765.306.800 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 150.630.400 | 650.630.400 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 500.000.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 150.630.400 | 150.630.400 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 483.977.544.748 | 502.864.684.617 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 483.977.544.748 | 502.864.684.617 |
| Vốn cổ phần | 411 | 24 | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411a | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 26 | 6.516.196.015 | 6.516.196.015 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 27.461.348.733 | 46.348.488.602 |
| - <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a | | 15.377.762.775 | 16.728.844.825 |
| - <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước</i> | 421b | | 12.083.585.958 | 29.619.643.777 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 716.499.418.524 | 656.932.308.652 |

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | 30/6/2024 VND | 30/6/2023 VND |
| Doanh thu bán hàng | 01 | 28 | 418.040.952.135 | 352.535.433.547 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 29 | 397.249.301.959 | 333.407.419.661 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 20.791.650.176 | 19.128.013.886 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 30 | 5.778.547.406 | 6.314.242.755 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 934.572.600 | 313.342.467 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 934.572.600 | 313.342.467 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 562.185.765 | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 31 | 7.457.681.556 | 10.219.213.190 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 17.615.757.661 | 14.909.700.984 |
| Thu nhập khác | 31 | | 3.099.787 | 6.429.680 |
| Chi phí khác | 32 | | - | 156.119 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 3.099.787 | 6.273.561 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 17.618.857.448 | 14.915.974.545 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 33 | 3.414.681.785 | 2.880.378.661 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 33 | 109.089.705 | 102.816.249 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 14.095.085.958 | 11.932.779.635 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | (Điều chỉnh lại) |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 34 | 269 | 229 |

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | 30/6/2024 VND | 30/6/2023 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 17.618.857.448 | 14.915.974.545 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 38.746.431.857 | 39.035.058.742 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (545.448.515) | (514.081.240) |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 05 | (5.778.547.406) | (6.314.242.755) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 934.572.600 | 313.342.467 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 50.975.865.984 | 47.436.051.759 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (13.939.356.385) | (2.185.518.170) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (37.073.587.134) | 4.723.524.581 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 19.020.420.205 | 38.398.931.954 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 187.644.417 | 24.540.511 |
| | | 19.170.987.087 | 88.397.530.635 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (920.263.013) | (325.369.864) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.142.528.566) | - |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (3.236.032.627) | (4.524.929.274) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 10.872.162.881 | 83.547.231.497 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | (2.866.612.251) | (558.032.073) |
| Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn | 23 | (305.800.000.000) | (192.655.739.726) |
| Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | 25 | 249.717.653.857 | 170.000.000.000 |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 5.981.748.168 | 5.027.899.886 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (52.967.210.226) | (18.185.871.913) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| Mã số | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-------|-----------------------------------|------------------|
| | 30/6/2024 VND | 30/6/2023 VND |

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | | | |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| Tiền thu từ đi vay ngắn hạn | 33 | 298.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (259.000.000.000) | (50.000.000.000) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (8.850.933.100) | (30.719.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 30.149.066.900 | (20.719.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (11.945.980.445) | 44.642.159.584 |
| Tiền đầu kỳ | 60 | 28.575.511.984 | 12.088.325.307 |
| Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8) | 70 | 16.629.531.539 | 56.730.484.891 |

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 177 nhân viên (1/1/2024: 179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ tài sản khác | 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Hoạt động kinh doanh khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính giữa niên độ của cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|--------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 360.823.007 | 622.640.007 |
| Tiền gửi ngân hàng | 16.268.708.532 | 27.952.871.977 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 16.629.531.539 | 28.575.511.984 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 3,4% đến 3,6% một năm (1/1/2024: từ 4,5% đến 5,2% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 51.315.516.175 | 38.028.310.220 |
| Các khách hàng khác | 917.779.537 | 566.168.040 |
| | 52.233.295.712 | 38.594.478.260 |

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|--|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| <i>Công ty mẹ</i> | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 51.315.516.175 | 38.028.310.220 |

Khoản phải thu thương mại từ Công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

11. Phải thu ngắn hạn khác

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|-----------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi phải thu | 3.650.028.360 | 3.884.998.291 |
| Ký quỹ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Khác | 381.019.412 | 86.020.044 |
| | 4.046.047.772 | 3.986.018.335 |

H
N
T
E

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

| | 30/6/2024 | | 1/1/2024 | |
|--|------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 15.799.200.323 | - | 130.840.000 | - |
| Nguyên vật liệu | 48.178.956.535 | - | 24.375.349.346 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 724.847.458 | (426.308.900) | 1.944.494.833 | (471.126.431) |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 23.766.881.792 | - | 21.788.120.304 | - |
| Thành phẩm | 13.783.153.971 | - | 16.482.427.418 | - |
| | 102.253.040.079 | (426.308.900) | 64.721.231.901 | (471.126.431) |

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-----------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | 30/6/2024 VND | 30/6/2023 VND |
| Số dư đầu kỳ | 471.126.431 | 2.595.479.424 |
| Dự phòng hoàn nhập trong kỳ | (44.817.531) | (275.842.884) |
| Số dư cuối kỳ | 426.308.900 | 2.319.636.540 |

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

| | 30/6/2024 | | 1/1/2024 | |
|--|----------------|------------------|----------------|------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn | 16.157.410.260 | (10.327.920.665) | 16.615.631.304 | (10.828.551.649) |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-----------------------------|--|------------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 10.828.551.649 | 7.720.488.258 |
| Dự phòng hoàn nhập trong kỳ | (500.630.984) | (238.238.356) |
| Số dư cuối kỳ | 10.327.920.665 | 7.482.249.902 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị văn phòng VND | Tài sản khác VND | Tổng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------------|
| Số dư đầu kỳ | 223.437.662.362 | 1.049.189.968.241 | 7.650.541.526 | 11.551.315.214 | 1.702.052.507 | 1.293.531.539.850 |
| Tăng trong kỳ | - | 185.000.000 | 720.000.000 | 82.570.000 | - | 987.570.000 |
| Số dư cuối kỳ | 223.437.662.362 | 1.049.374.968.241 | 8.370.541.526 | 11.633.885.214 | 1.702.052.507 | 1.294.519.109.850 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 110.611.422.889 | 905.050.654.857 | 7.521.719.286 | 10.698.514.002 | 1.679.182.257 | 1.035.561.493.291 |
| Khấu hao trong kỳ | 5.276.412.416 | 33.193.792.626 | 101.741.933 | 161.488.271 | 9.067.500 | 38.742.502.746 |
| Số dư cuối kỳ | 115.887.835.305 | 938.244.447.483 | 7.623.461.219 | 10.860.002.273 | 1.688.249.757 | 1.074.303.996.037 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 112.826.239.473 | 144.139.313.384 | 128.822.240 | 852.801.212 | 22.870.250 | 257.970.046.559 |
| Số dư cuối kỳ | 107.549.827.057 | 111.130.520.758 | 747.080.307 | 773.882.941 | 13.802.750 | 220.215.113.813 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 26.756 triệu VND (1/1/2024: 22.683 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính VND |
|-------------------------------|--------------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu kỳ | 303.930.000 |
| Tăng trong kỳ | 76.932.152 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 380.862.152 |
| | <hr/> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu kỳ | 302.137.893 |
| Khấu hao trong kỳ | 3.929.111 |
| | <hr/> |
| Số dư cuối kỳ | 306.067.004 |
| | <hr/> |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu kỳ | 1.792.107 |
| Số dư cuối kỳ | 74.795.148 |
| | <hr/> |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2024: 204 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| | 30/6/2024 VND | 30/06/2023 VND |
| Số dư đầu kỳ | 4.041.157.990 | 608.539.091 |
| Tăng trong kỳ | 1.099.522.251 | - |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (4.899.641.150) | - |
| | | |
| Số dư cuối kỳ | 241.039.091 | 608.539.091 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 30/6/2024 VND | 1/1/2024 VND |
|--------------------------------------|------------------|-----------------|
| Nâng cấp công suất nhà máy | 195.000.000 | - |
| Nâng cấp hệ thống ghép mí mắt Ferrum | - | 1.619.694.341 |
| Nâng cấp hệ thống rửa chai | - | 1.897.599.514 |
| Khác | 46.039.091 | 523.864.135 |
| | | |
| | 241.039.091 | 4.041.157.990 |

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND | Khác VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------------------|---------------|-----------------|
| Số dư đầu kỳ | 298.001.812 | - | 410.112.690 | 708.114.502 |
| Tăng trong kỳ | 190.624.547 | - | 140.649.714 | 331.274.261 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | 4.899.641.150 | - | 4.899.641.150 |
| Phân bổ trong kỳ | (158.606.598) | (577.470.328) | (529.929.073) | (1.266.005.999) |
| | | | | |
| Số dư cuối kỳ | 330.019.761 | 4.322.170.822 | 20.833.331 | 4.673.023.914 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ | |
|--|--------------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 34.998.593.055 | 5.111.323.284 |
| Công ty TNHH Thịnh Đức | 1.213.972.200 | 2.387.320.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân | 724.706.267 | 766.513.900 |
| Công ty TNHH Krones Việt Nam | - | 1.851.505.040 |
| Các nhà cung cấp khác | 5.979.147.241 | 6.088.083.094 |
| | 42.916.418.763 | 16.204.745.318 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ | |
|--|--------------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | 34.998.593.055 | 5.111.323.284 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn | 421.075.212 | 36.717.463 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi | 70.504.000 | 46.656.000 |
| Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co | - | 126.694.600 |
| | | |

Khoản phải trả thương mại cho Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2024 VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Số còn lại VND | 30/6/2024 VND |
|----------------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 87.095.934.996 | 415.793.725.149 | (417.878.326.960) | - | 85.011.333.185 |
| Thuế giá trị gia tăng | 11.351.302.935 | 83.080.083.862 | (51.082.434.566) | (33.463.321.877) | 9.885.630.354 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.698.881.967 | 3.414.681.785 | (4.142.528.566) | - | 2.971.035.186 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 25.108.137 | 811.487.536 | (385.816.994) | - | 450.778.679 |
| Thuế khác | - | 79.586.926 | (79.586.926) | - | - |
| | 102.171.228.035 | 503.179.565.258 | (473.568.694.012) | (33.463.321.877) | 98.318.777.404 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|-----------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 4.266.514.173 | 4.252.204.586 |
| Chi phí xây dựng | 305.727.802 | 1.934.399.990 |
| Chi phí phải trả khác | 1.084.079.092 | 1.567.094.020 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 5.656.321.067 | 7.753.698.596 |
| | <hr/> | <hr/> |

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | 26.040.566.900 | 3.391.500.000 |
| Ký quỹ đã nhận | 35.000.000 | 535.000.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 322.669.979 | 254.377.501 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 26.398.236.879 | 4.180.877.501 |
| | <hr/> | <hr/> |

21. Vay ngắn hạn

| | 1/1/2024 | Biến động trong kỳ | | 30/6/2024 |
|--------------|--|---------------------------|-------------------------|--|
| | Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Hoàn trả VND | Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 17.000.000.000 | 298.000.000.000 | (259.000.000.000) | 56.000.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> | <hr/> |

Các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh không có bảo đảm, và chịu lãi suất 3,0% đến 3,2% một năm (1/1/2024: 2,9% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Số dư đầu kỳ | 3.765.306.800 | 3.518.022.260 |
| Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23) | 2.011.500.000 | 1.840.000.001 |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23) | (529.274.173) | 849.627.837 |
| Sử dụng trong kỳ | (3.236.032.627) | (4.524.929.274) |
| | | |
| Số dư cuối kỳ | 2.011.500.000 | 1.682.720.824 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------|---------------------------------|---|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 | 450.000.000.000 | 6.516.196.015 | 31.078.472.662 | 487.594.668.677 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 11.932.779.635 | 11.932.779.635 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22) | - | - | (1.840.000.001) | (1.840.000.001) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 22) | - | - | (849.627.837) | (849.627.837) |
| Cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | (13.500.000.000) | (13.500.000.000) |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 | 450.000.000.000 | 6.516.196.015 | 26.821.624.459 | 483.337.820.474 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 21.366.864.142 | 21.366.864.142 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (1.839.999.999) | (1.839.999.999) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 450.000.000.000 | 6.516.196.015 | 46.348.488.602 | 502.864.684.617 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | - | - | 14.095.085.958 | 14.095.085.958 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22) | - | - | (2.011.500.000) | (2.011.500.000) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 (Thuyết minh 22) | - | - | 529.274.173 | 529.274.173 |
| Cổ tức (Thuyết minh 25) | - | - | (31.500.000.000) | (31.500.000.000) |
| Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 | 450.000.000.000 | 6.516.196.015 | 27.461.348.733 | 483.977.544.748 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 30/6/2024 và 1/1/2024 | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 450.000.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 45.000.000 | 450.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

25. **Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho cổ đông trong năm 2022).

26. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|--------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 1.239.041.000 | 1.239.041.000 |
| Từ hai đến năm năm | 4.956.164.000 | 4.956.164.000 |
| Sau năm năm | 36.861.469.750 | 37.480.990.250 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 43.056.674.750 | 43.676.195.250 |

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

| | 30/6/2024 | 1/1/2024 |
|---------------------------------|------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Đã duyệt nhưng chưa ký hợp đồng | 72.897.872.921 | 54.083.250.635 |
| Đã duyệt và đã ký hợp đồng | 3.445.474.074 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 76.343.346.995 | 54.083.250.635 |

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|------------------|--|------------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 413.344.942.981 | 349.819.145.599 |
| ▪ Bán phế liệu | 4.696.009.154 | 2.716.287.948 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 418.040.952.135 | 352.535.433.547 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Giá vốn hàng bán

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Thành phẩm đã bán | 397.620.314.333 | 333.731.568.474 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn | (545.448.515) | (514.081.240) |
| Giá vốn khác | 174.436.141 | 189.932.427 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 397.249.301.959 | 333.407.419.661 |

30. Doanh thu tài chính

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|-----------------------|-----------------------------------|---------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 5.778.547.406 | 6.314.242.755 |

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 3.426.366.243 | 5.778.101.053 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.754.051.560 | 1.494.781.944 |
| Chi phí khấu hao | 344.641.978 | 456.531.503 |
| Chi phí quản lý khác | 1.932.621.775 | 2.489.798.690 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 7.457.681.556 | 10.219.213.190 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 321.364.609.343 | 257.865.728.126 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 38.746.431.857 | 39.035.058.742 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 23.088.677.283 | 18.435.730.277 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 18.614.075.581 | 18.761.228.974 |
| Chi phí khác | 3.143.245.665 | 3.045.026.981 |

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Kỳ hiện hành | 3.414.681.785 | 2.880.378.661 |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời | 109.089.705 | 102.816.249 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.523.771.490 | 2.983.194.910 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 17.618.857.448 | 14.915.974.545 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 3.523.771.490 | 2.983.194.910 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.523.771.490 | 2.983.194.910 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|-----------------------------------|--------------------------------------|
| | 30/6/2024 VND | 30/6/2023 VND (Điều chỉnh lại) |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | 14.095.085.958 | 11.932.779.635 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (2.011.500.000) | (1.840.000.001) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**) | - | 264.637.087 |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 12.083.585.958 | 10.357.416.721 |

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại thành 229 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 224 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--|------------------|
| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 829.138.668.130 | 706.836.008.533 |
| Bán nguyên vật liệu | - | 226.478.513 |
| Cung cấp dịch vụ | - | 74.478.021 |
| Mua nguyên vật liệu | 332.250.630.721 | 233.607.391.622 |
| Cổ tức công bố | 21.665.000.000 | 9.285.000.000 |
| Cổ tức đã trả | - | 21.665.000.000 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Mua dịch vụ | 3.135.572.867 | 1.970.884.145 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co | | |
| Mua dịch vụ | 989.173.250 | 165.000.000 |
| Mua dụng cụ | 212.580.250 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ | | |
| Mua hàng hóa | 849.739.470 | 811.718.400 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi | | |
| Mua nguyên vật liệu | 363.400.000 | 74.100.000 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn | | |
| Mua hàng hóa | 105.894.400 | - |
| Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương | | |
| Mua hàng hóa | 67.747.664 | - |
| Công ty TNHH Bất Động Sản Areco | | |
| Mua dịch vụ | 47.055.750 | - |
| Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh | | |
| Bán nguyên vật liệu | 13.950.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | | |
| Mua nguyên vật liệu | - | 178.250.000 |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Mua hàng hóa | - | 32.364.000 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--|------------------|
| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Hội đồng quản trị | | |
| <i>Thù lao</i> | | |
| Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch | 64.999.998 | - |
| Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch | - | 64.999.977 |
| Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên | 45.499.998 | 45.500.010 |
| Ông Cao Thanh Bích – Thành viên | 45.499.998 | 45.500.010 |
| Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên | 45.499.998 | 45.500.010 |
| Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên | 47.510.554 | 14.408.337 |
| Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên | - | 31.091.682 |
| Ban Kiểm soát | | |
| <i>Thù lao</i> | | |
| Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban | 45.499.998 | 45.500.010 |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên | 26.000.004 | 25.999.977 |
| Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên | 26.000.004 | 25.999.977 |
| Ban Giám đốc | | |
| Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 1.474.749.683 | 1.103.910.810 |

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

| | Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày | |
|---|--|------------------|
| | 30/6/2024 | 30/6/2023 |
| | VND | VND |
| Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán | 623.796.152 | 31.400.000 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

37. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 34, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, và thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



M.S.D.N: 29007833
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN - SÔNG LAM
H. HUNG NGUYỄN T. NGHỆ AN

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

